

(Dự kiến)
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP NGÀY 18-4-2018

Thời gian dự kiến	Nội dung
	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông
07h30	- Đón tiếp các Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Đón tiếp các Đại biểu mời;
	- Tiếp nhận, kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, phát phiếu biểu quyết;
8h30	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu; - Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Chủ tọa giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết đề ĐHĐCĐ thông qua; - Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ; - Thông qua Thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
8h50	II. Các nội dung Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua
	1. Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả SXKD, hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng KSV năm 2017;
	2. Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2017 đã được kiểm toán;
	3. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2017;
	4. Báo cáo Quyết toán thù lao của các TV. HĐQT, các TV. BKS Tổng công ty năm 2017;
	5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017;
	6. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2018;
	7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV. HĐQT, các TV. BKS Tổng công ty năm 2018;
	8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018;
	9. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty;
	10. Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty của TCT PLC
	11. Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Tổng công ty PLC.
	12. Các nội dung khác.
11h15	III. Phát biểu của Đại biểu mời
	IV. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông
11h35	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
11h55	- Bế mạc Đại hội.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

Số: **09/CV-PLC-HĐQT**

Hà Nội, ngày

30/01/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (Năm 2017)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty niêm yết: Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
 Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18-19, tòa nhà 229 Tây Sơn, p Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 38513205 Fax: (84-4) 388513207
 Vốn điều lệ hiện tại: 807.988.390.000 đồng.
 Mã chứng khoán : PLC

I. Hoạt động của Đại hội cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ	18/4/2017	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC) nhất trí thông qua :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo Kết quả SXKD, về hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc năm 2016. 2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của PLC. 3. Báo cáo của HĐQT PLC về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT PLC năm 2016. 4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng KSV PLC năm 2016. 5. Báo cáo Quyết toán thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2016. 6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. 7. Kế hoạch SXKD năm 2017 của PLC. 8. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2017. 9. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính PLC năm 2017.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Bá Nhuận	CT HĐQT	23/04/2014	9	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Đức	UV HĐQT - TGD	11/05/2009	9	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Khánh	UV HĐQT	11/05/2009	9	100%	
4	Ông Vũ Văn Chiến	UV HĐQT	11/05/2009	9	100%	
5	Ông Hà Thanh Tuấn	UV HĐQT	11/05/2009	9	100%	

Ngoài 9 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 9 lần để ra Nghị quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban quản lý, điều hành thông qua công việc cụ thể sau:
 - Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và thống nhất giao kế hoạch năm 2018.
 - Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
 - Ban hành, yêu cầu chỉnh sửa bổ sung một số các quy chế nội bộ cho phù hợp với điều kiện quản lý và tổ chức kinh doanh mới.
 - Yêu cầu Ban Tổng giám đốc tổ chức áp dụng một số chương trình quản trị tiên tiến.
 - Công tác tổ chức, lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
 - Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
 - Công tác vay vốn ngắn hạn và dài hạn tại các Công ty.
3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
4. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Số NQ	Ngày	Nội dung
01/NQ-PLC-HĐQT	24/2/2017	<p>1. Thông qua quyết toán quỹ tiền lương các đơn vị năm 2016 Theo báo cáo thẩm định của Ban TH trình HĐQT họp ngày 24/2/2017</p> <p>Thông nhất điều chỉnh QTL tối đa áp dụng đối với các đơn vị bằng 130% QTL kế hoạch mà HĐQT đã giao các đơn vị ban hành tại các QĐ 42,43 và 44/QĐ-PLC-HĐQT ngày 3/6/2016, đồng thời đảm bảo LNTT năm 2016 không thấp hơn Lợi nhuận kế hoạch đã giao (theo kế hoạch điều chỉnh - nếu có)</p> <p>2. Thông qua Báo cáo Phương án triển khai phần mềm ERP Chấp thuận kết quả tư vấn - thẩm định của Công ty EY Thành lập Ban quản lý triển khai dự án ERP tại PLC Giao ông Nguyễn Văn Khánh - TV HĐQT làm Trưởng ban; Ông Nguyễn Văn Đức, Ông Hà Thanh Tuấn - UVHĐQT làm Phó Ban.</p> <p>3. Thông qua các nội dung chuẩn bị họp ĐHCĐ TN 2017 theo báo cáo của Ban TH trình HĐQT họp ngày 24/2/2017. Trong đó thống nhất lựa chọn thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ TN 2017 vào 8h30 sáng ngày 18/4/2017 tại Trung tâm hội nghị Mipece Palace 229 Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, HN.</p>
02/NQ-PLC-HĐQT	29/3/2017	<p>Thông qua các tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2017:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo của BKS về kết quả SXKD, hoạt động của HĐQT & TGD năm 2016 Báo cáo tài chính hợp nhất của TCT năm 2016 đã được kiểm toán. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2016. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng KSV năm 2016. Báo cáo quyết toán thù lao các TV HĐQT, TV BKS và từng KSV năm 2016. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2016. Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2017. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, TV BKS TCT năm 2017. Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
03/NQ-PLC-HĐQT	26/4/2017	<p>Thông qua Phương án trích lập các Quỹ chi tiết từng đơn vị:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quỹ Đầu tư phát triển Quỹ Khen thưởng phúc lợi Quỹ thưởng người quản lý
04/NQ-PLC-HĐQT	12/5/2017	<p>Thông nhất các nội dung liên quan đến việc triển khai Dự án tòa nhà văn phòng và khu căn hộ cho thuê tại Khu đất số 152 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4, TP HCM.</p>
05/NQ-PLC-HĐQT	9/6/17	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Hóa Chất Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH TNHH MTV HSBC (Việt nam)-CN Hà Nội</p> <p>Tổng hạn mức tín dụng: 8.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 150 ngày</p>
06/NQ-PLC-HĐQT	21/6/2017	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Hóa Chất Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH TNHH MTV HSBC (Việt nam)-CN Hà Nội</p> <p>Tổng hạn mức tín dụng: 8.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 180 ngày</p>
07/NQ-PLC-HĐQT	22/6/2017	<p>Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017</p> <p>Chọn Công ty TNHH KPMG (KPMG) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017</p>
08/NQ-PLC-HĐQT	30/6/2017	<p>Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Đức tiếp tục giữ chức vụ TGD TCT PLC, nhiệm kỳ 2 năm từ ngày 15/5/2017.</p> <p>Bổ nhiệm ông Ngô Đức Giang tiếp tục giữ chức vụ PTGD TCT PLC, nhiệm kỳ 5 năm từ ngày 1/12/2016.</p> <p>Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Cty PLCND (sửa đổi)</p> <p>Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Cty PLCHC (sửa đổi)</p>
09/NQ-PLC-HĐQT	18/9/2017	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH TNHH MTV HSBC (Việt nam)-CN Hà Nội</p> <p>Tổng hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 120 ngày</p>
10/NQ-PLC-HĐQT	9/10/2017	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Hóa Chất Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH TMCP Quân đội - chi nhánh SGD1.</p> <p>Tổng hạn mức: 20.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 6 tháng.</p>
11/NQ-PLC-HĐQT	10/10/2017	<p>Chấp thuận cho Công ty TNHH Hóa Chất Petrolimex chuyển đổi mã số thuế</p>
12/NQ-PLC-HĐQT	21/11/2017	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH TMCP Quân đội-chi nhánh SGD1.</p> <p>Tổng hạn mức: 15.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 6 tháng.</p>
13/NQ-PLC-HĐQT	20/12/2017	<p>Chấp thuận và bảo lãnh cho Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex vay vốn ngắn hạn tại NH BNP Paribas Chi nhánh HN, Chi nhánh HCM.</p> <p>Tổng hạn mức: 7.000.000 USD</p> <p>Thời hạn nhận nợ: Tối đa 6 tháng.</p>

III. Ban Kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Minh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	11/05/2009/ 01/11/2017	6	66,67%	Nghỉ chế độ hưu trí.
2	Tổng Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	11/05/2009	8	88,89%	Đi công tác
3	Hoàng Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	28/11/2013	9	100%	

2. Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội Đồng cổ đông và HĐQT giao.
- BKS nhận thấy nhìn chung Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng Công ty và của pháp luật.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng Công ty.
- BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của BKS.
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

IV. Đào tạo về quản trị công ty: Tham dự Hội thảo "Các vấn đề từ quản trị công ty yếu kém- Vai trò của tiểu ban kiểm toán và kiểm toán nội bộ" do Sở giao dịch chứng khoán tổ chức.

V. Danh sách về người có liên quan của Công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty.

- 1- Danh sách về người có liên quan của công ty (đính kèm).
- 2- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- 3- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.
- 4- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1- Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2- Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có.

4.3- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1.- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (đính kèm).

2- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Văn Chiến	TV HĐQT	339950	0.4207%	359950	0.4455%	Mua 20000 CP vào T6/2017
2	Vũ Văn Chiến	TV HĐQT	359950	0.4455%	384950	0.4764%	Mua 25000 CP vào T7/2017

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Nơi nhận:

- Như trên.
- TV HĐQT
- BKS
- Lưu VT, BTH. *etc*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN 31/12/2017

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Tài khoản		Chức vụ	CMT/HC/ĐKKD				SL cổ phiếu năm giữ	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
		Số	Ngày mở (DD.MMM.YYYY)		Loại	Số	Ngày cấp (DD.MMM.YYYY)	Nơi cấp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		13
1	Phạm Bá Nhuận	021C596869		1	1-CMT	03406000064	5/5/2014	Hà Nội	62	số 16 ngách 462/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội	0.0001%	
2	Phạm Thị Nguyệt	Không có			1-CMT	150150445	19/11/2013	Thái Bình		Thái Bình	0.0000%	
3	Phạm Thị Miệt	Không có			1-CMT	150073314	4/4/1978	Thái Bình		Thái Bình	0.0000%	
4	Phạm Thị Dung	Không có			1-CMT	150716222	19/11/2013	Thái Bình		Thái Bình	0.0000%	
5	Phạm Thị Hiền	Không có			1-CMT	151989784	4/9/2008	Thái Bình		Thái Bình	0.0000%	
6	Phạm Thị Chiên	Không có			1-CMT	150999544	17/11/2005	Thái Bình		Thái Bình	0.0000%	
7	Phạm Văn Huân	Không có			1-CMT	103389468	19/3/2011	Hà Nội		Hà Nội	0.0000%	
8	Trần Thị Luật	027C000054			1-CMT	011875267	7/9/2010	Hà Nội		số 16 ngách 462/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội	0.0000%	
9	Phạm Thanh Tùng	Không có			1-CMT	012681907	15/4/2004	Hà Nội		số 16 ngách 462/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội	0.0000%	
10	Phạm Như Bách	Không có			1-CMT	001097001026	9/6/2014	Hà Nội		số 16 ngách 462/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội	0.0000%	
11	Nguyễn Văn Đức	021C039085	12/12/2012	3,6	1-CMT	011633323	16/7/2009	Hà Nội	151,823	Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội	0.1879%	
12	Bùi Thị Quỳnh Giao	Không có			1-CMT	013054135	13/3/2008	Hà Nội		Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội	0.0000%	
13	Nguyễn Khánh	Không có				chưa có				Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội	0.0000%	
14	Nguyễn Cường	Không có				chưa có				Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội	0.0000%	
15	Nguyễn Văn Khuông	Không có			1-CMT	100075363	10/8/2000	Quảng Ninh		Tổ 14B, Hoàng Thạch, Cẩm Thạch, Cẩm Phá, Quảng Ninh	0.0000%	

16	Nguyễn Văn Thiêm	Không có	1-CMT	010494939	19/4/2005	Hà Nội	- Phòng 203, ngõ 221 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội	0.0000%
17	Nguyễn Thị Thục	Không có	1-CMT	100279173	13/8/1973	Quảng Ninh	- Số 18, Khu 7, Thị trấn Đông Triều, Quảng Ninh	0.0000%
18	Nguyễn Thị Quy	Không có	1-CMT	100027854	18/11/2002	Quảng Ninh	- Phú Mỹ Hưng, TP HCM	0.0000%
19	Nguyễn Văn Khánh	079C606666	1-CMT	011258323	01/04/2011	Hà Nội	20,000 176 Triệu Việt Vương, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	0.0248%
20	Trần Thị Thảo Hương	Không có	1-CMT	011078297	07/02/1992	Hà Nội	- 176 Triệu Việt Vương, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	0.0000%
21	Nguyễn Thảo Nguyễn	Không có	1-CMT	012635155	30/07/2003	Hà Nội	- R2, 28, Phòng 12B, Khu Royal City, Quận Thanh	0.0000%
22	Tô Thị Ngọc Tuyết	Không có	1-CMT	010191610	29/08/1978	Hà Nội	- 25/2 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa	0.0000%
23	Nguyễn Văn Ninh	Không có	1-CMT	225176080	24/02/1999	Khánh Hòa	- 25/2 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa	0.0000%
24	Nguyễn Thị Hòa	Không có	1-CMT	011363097	16/10/2001	Hà Nội	- 14 Nguyễn Thượng Hiền, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	0.0000%
25	Vũ Văn Chiến	009C060016	1-CMT	011129746	10/2/2009	Hà Nội	384,950 B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội	0.4764%
26	Ngô Thị Thuận	006C004464	1-CMT	012557028	09/09/2002	Hà Nội	234,896 B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội	0.2907%
27	Vũ Quốc Định	Không có	1-CMT	012988234	26/02/2008	Hà Nội	- B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội	0.0000%
28	Vũ Thảo Đan	Không có		Chưa có		Hà Nội	- B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội	0.0000%
29	Bùi Thị Loan	Không có		Không có		Nam Định	- Phương Định, Trục Ninh, Nam Định	0.0000%
30	Vũ Quang Khánh	Không có	1-CMT	031634188	03/14/2007	Hải Phòng	- Số 1/1a Văn Cao Hải Phòng	0.0000%
31	Vũ Thị The	Không có	1-CMT	161482222	04/08/2000	Nam Định	- Số 86, Chùa vẽ, Hải Phòng	0.0000%
32	Hà Thanh Tuấn	003C811269	1-CMT	001064003582	9/6/2015	Hà Nội	95,847 243-C6 Khu Đô thị Đại kim - P.Đại kim - Q. Hoàng mai - Tp Hà nội	0.1186%
33	Trần Thị Thu	009C060070	1-CMT	013065943	21/05/2008	Hà Nội	8,059 243-C6 Khu Đô thị Đại kim - P.Đại kim - Q. Hoàng mai - Tp Hà nội	0.0100%

34	Hà Tuấn Anh	Không có				1-CMT	013030292	28/05/2008	Hà Nội	- 243-C6 Khu Đô thị Đại kim - P.Đại kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội	0.00000%
35	Hà Tuấn Trung	Không có					Chưa có			- 243-C6 Khu Đô thị Đại kim - P.Đại kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội	0.00000%
36	Đào Thị Nguyệt	Không có				1-CMT	010969001	16/11/1979	Hà Nội	- P.304 Tập thể xăng dầu - P.Đồng nhân - Q.Hai Bà Trưng - TP Hà nội	0.00000%
37	Hà Thị Anh Đào	020C002393				1-CMT	011723444	13/05/2003	Hà Nội	2,495 P.407-E2B Tập thể Ngân hàng - P.Phương mai - Q.Đống Đa - Tp Hà nội	0.00311%
38	Hà Thị Thu Hương	Không có				1-CMT	013079659	16/05/2008	Hà Nội	- Xóm Thượng - Thanh liệt - Thanh trì - Hà nội	0.00000%
39	Trần Thị Minh Hà	020C001247			4	1-CMT	*001162006667	03/08/2016	Hà Nội	37,260 Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dứa-Đống Đa Hà nội	0.04611%
40	Lê Thị Liên	Không có				1-CMT	010121269	03/01/1989	Hà Nội	Số nhà 9/15 ngõ 47 Đội Cấn, Ba đình, Hà nội	0.00000%
41	Lê Xuân Tư	Không có				1-CMT	011715680	26/03/2001	Hà Nội	- Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dứa-Đống	0.00000%
42	Lê Xuân Hiệp	Không có				1-CMT	012433278	05/05/2001	Hà Nội	- Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dứa-Đống Đa Hà nội	0.00000%
43	Lê Xuân Hoàng	Không có				1-CMT	012962341	22/04/2007	Hà Nội	- Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dứa-Đống Đa Hà nội	0.00000%
44	Trần Văn Tuyên	Không có				1-CMT	012115565	16/04/1998	Hà Nội	- Số nhà 19 tổ 46 Yên hòa, Cầu giấy, Hà nội	0.00000%
45	Trần Thị Minh Kha	Không có				1-CMT	010955457	10/07/1985	Hà Nội	- 25 lô A tổ 100 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà nội	0.00000%
46	Trần Mạnh Thuận	Không có				1-CMT	011248476	04/05/2006	Hà Nội	- Phòng 403/N9, Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội	0.00000%
47	Trần Văn Tuyên	Không có				1-CMT	023000122	26/02/2008	Hồ Chí Minh	- 23/14 C1 Cộng hòa, Phường 13, Quận Tân	0.00000%
48	Trần Thuận	Không có				1-CMT	010426806	03/04/2003	Hà Nội	- Số nhà 4, Ngõ 16/1 Thái Hà, Đống Đa, Hà nội	0.00000%
49	Trần Văn Thái	Không có				1-CMT	012236802	26/05/1999	Hà Nội	- Số nhà 9/15 ngõ 47 Đội Cấn, Ba đình, Hà nội	0.00000%

50	Hoàng Văn Thành	Không có		5	1-CMT	012869678	21/04/2006	Hà Nội	A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội	0.0000%
51	Trần Thị Thu Oanh	Không có			1-CMT	012869677	21/04/2006	Hà Nội	A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội	0.0000%
52	Hoàng Văn Anh	Không có			1-CMT	012869676	21/04/2006	Hà Nội	A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội	0.0000%
53	Hoàng Đức Trung	Không có				chưa có			A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội	0.0000%
54	Hoàng Minh Châu	Không có			1-CMT	164028717	29/09/2013	Ninh Bình	Ga Ghềnh - Thị xã Tam Điệp - Ninh Bình	0.0000%
55	Hoàng Thị Khuy	Không có			1-CMT	161332983	24/06/2010	Nam Định	Số 110 Phố Hàng Sắt - TP Nam Định - Tỉnh Nam	0.0000%
56	Tống Văn Hải	009C023419		5	1-CMT	013079658	15/05/2008	Hà Nội	195 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	0.0062%
57	Tống Hữu Hạp	Không có			1-CMT	036052001058	28/7/2016	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định	0.0000%
58	Đỗ Thị Cang	Không có			1-CMT	160800783	01/02/2002	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định	0.0000%
59	Tống Thị Hiền	Không có			1-CMT	162865430	19/12/2013	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định	0.0000%
60	Tống Duy Hiền	Không có			1-CMT	162842050	09/07/2004	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định	0.0000%
61	Hà Thị Thu Hương	Không có			1-CMT	013079659	15/05/2008	Hà Nội	Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN	0.0000%
62	Tống Hà Khánh Chi	Không có				Chưa có			Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN	0.0000%
63	Tống Nhật Minh	Không có				Chưa có			Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN	0.0000%
64	Ngô Đức Giang	021C039084	12/12/2012	7,11	1-CMT	012731685	06/09/2004	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội	0.0625%
65	Phan Lệ Thu	353008160			1-CMT	011551121	19/10/2001	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội	0.0000%
66	Ngô Minh Đức	Không có			1-CMT	013297836	29/04/2010	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội	0.0000%
67	Ngô Vĩnh Tường	Không có			1-CMT	161452479	24/03/1982	Hà Nam Ninh	Xóm 18 - Hải Phương - Hải Hậu - Nam Định.	0.0000%

68	Nguyễn Thị Nga	Không có				1-CMT	160498987	07/09/1978	Hà Nam Ninh	- Xóm 18 - Hải Phương - Hải Hậu - Nam Định.	0.0000%
69	Ngô Quang Khải	Không có			1-CMT	162177710	20/03/1996	Nam Hà	- Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	0.0000%	
70	Ngô Thị Kim Oanh	Không có			1-CMT	162795602	23/10/2003	Nam Định	- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	0.0000%	
71	Lê Quang Tuấn	0001013503	25/1/2010	7	CCCD	038074000352	17/3/2016	Hà Nội	6,782 Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0084%	
72	Lê Thanh Hà	Không có			1-CMT	001174004705	9/6/2015	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0000%	
73	Lê Quang Tạo	Không có			1-CMT	012997245	27/08/2007	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0000%	
74	Nguyễn Thị Thao	0001018334	21/7/2011		1-CMT	011480793	04/03/2005	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0000%	
75	Lê Văn Trình	Không có			1-CMT	012839340	28/12/2005	Hà Nội	Số 1, Ngõ 376, Đ. Ngô Gia Tự, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	0.0000%	
76	Tạ Thị Dung	Không có			1-CMT	010590739	17/04/2008	Hà Nội	Số 1, Ngõ 376, Đ. Ngô Gia Tự, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	0.0000%	
77	Lê Hà Thu	Không có			1-CMT	001301012851	31/3/2016	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0000%	
78	Lê Lan Phương	Không có				Chưa có			Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	0.0000%	
79	Lê Thu Giang	Không có			1-CMT	011821814	6/8/1998	Hà Nội	P412 D1, Phường Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	0.0000%	
80	Phương Thảo Hiền	26098629		10	CCCD	020178000050	7/11/2016	Hà Nội	18,820 Số nhà 4 ngõ 46/58 Hàng Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	0.0233%	
81	Lê Văn Tài	Không có			CCCD	030076000224	10/11/2016	Hà Nội	Số nhà 4 ngõ 46/58 Hàng Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	0.0000%	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN 31/12/2017

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Tài khoản		Chức vụ	CMT/HC/BKKD			Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
		Số	Ngày mở (DD.MM.YYYY)		Loại	Số	Ngày cấp (DD.MM.YYYY)				
1	Phạm Bá Nhuận	021C596869		1	1-CMT	03406000064	5/5/2014	Hà Nội	23/4/2014		
2	Phạm Thị Nguyệt	Không có			1-CMT	150150445	19/11/2013	Thái Bình			
3	Phạm Thị Miệt	Không có			1-CMT	150073314	4/4/1978	Thái Bình			
4	Phạm Thị Dung	Không có			1-CMT	150716222	19/11/2013	Thái Bình			
5	Phạm Thị Hiền	Không có			1-CMT	151989784	4/9/2008	Thái Bình			
6	Phạm Thị Chiên	Không có			1-CMT	150999544	17/11/2005	Thái Bình			
7	Phạm Văn Huân	Không có			1-CMT	103389468	19/3/2011	Hà Nội			
8	Trần Thị Luật	027C000054			1-CMT	011875267	7/9/2010	Hà Nội			
9	Phạm Thanh Tùng	Không có			1-CMT	012681907	15/4/2004	Hà Nội			
10	Phạm Như Bách	Không có			1-CMT	001097001026	9/6/2014	Hà Nội			
11	Nguyễn Văn Đức	021C039085	12/12/2012	3,6	1-CMT	011633323	16/7/2009	Hà Nội	11/5/2009		
12	Bùi Thị Quỳnh Giao	Không có			1-CMT	013054135	13/3/2008	Hà Nội			
13	Nguyễn Khánh	Không có				chưa có		Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội			
14	Nguyễn Cường	Không có				chưa có		Số nhà 66, ngõ 7, phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội			
15	Nguyễn Văn Khuông	Không có			1-CMT	100075363	10/8/2000	Quảng Ninh			

16	Nguyễn Văn Thiêm	Không có			1-CMT	010494939	19/4/2005	Hà Nội	Phòng 203, ngõ 221 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội		
17	Nguyễn Thị Thục	Không có			1-CMT	100279173	13/8/1973	Quảng Ninh	Số 18, Khu 7, Thị trấn Đông Triều, Quảng Ninh		
18	Nguyễn Thị Quy	Không có			1-CMT	100027854	18/11/2002	Quảng Ninh	Phú Mỹ Hưng, TP HCM		
19	Nguyễn Văn Khánh	079C606666	3		1-CMT	011258323	01/04/2011	Hà Nội	176 Triệu Việt Vương, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	11/5/2009	
20	Trần Thị Tháo Hương	Không có			1-CMT	011078297	7/2/1992	Hà Nội	176 Triệu Việt Vương, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội		
21	Nguyễn Tháo Nguyễn	Không có			1-CMT	012635155	30/7/2003	Hà Nội	R2, 28, Phòng 12B, Khu Royal City, Quận Thanh Xuân, Hà Nội		
22	Tô Thị Ngọc Tuyết	Không có			1-CMT	010191610	29/8/1978	Hà Nội	25/2 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa		
23	Nguyễn Văn Ninh	Không có			1-CMT	225176080	24/2/1999	Khánh Hòa	25/2 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa		
24	Nguyễn Thị Hòa	Không có			1-CMT	011363097	16/10/2001	Hà Nội	14 Nguyễn Thượng Hiền, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội		
25	Vũ Văn Chiến	009C060016	3		1-CMT	011129746	10/2/2009	Hà Nội	B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội	11/5/2009	
26	Ngô Thị Thuận	006C004464			1-CMT	012557028	9/9/2002	Hà Nội	B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội		
27	Vũ Quốc Định	Không có			1-CMT	012988234	26/2/2008	Hà Nội	B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội		
28	Vũ Tháo Đan	Không có				Chưa có		Hà Nội	B2, F4 Hoàng cầu, Đông Đa, Hà Nội		
29	Bùi Thị Loan	Không có				Chưa có		Nam Định	Phường Định, Trục Ninh, Nam Định		
30	Vũ Quang Khánh	Không có			1-CMT	031634188	14/3/2007	Hải Phòng	Số 1/1a Văn Cao Hải Phòng		
31	Vũ Thị The	Không có			1-CMT	161482222	4/8/2000	Nam Định	Số 86, Chùa vẽ, Hải Phòng		
32	Hà Thanh Tuấn	003C811269	3		1-CMT	001064003582	9/6/2015	Hà Nội	243-C6 Khu Đô thị Đại Kim - P.Đại Kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội	11/5/2009	
33	Trần Thị Thu	009C060070			1-CMT	013065943	21/5/2008	Hà Nội	243-C6 Khu Đô thị Đại Kim - P.Đại Kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội		
34	Hà Tuấn Anh	Không có			1-CMT	013030292	28/5/2008	Hà Nội	243-C6 Khu Đô thị Đại Kim - P.Đại Kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội		

35	Hà Tuấn Trung	Không có					Chưa có			243-C6 Khu Đô thị Đại kim - P.Đại kim - Q.Hoàng mai - Tp Hà nội		
36	Đào Thị Nguyệt	Không có			1-CMT	010969001	16/11/1979	Hà Nội		P.304 Tập thể xăng dầu - P.Đông nhân -Q.Hai Bà Trưng - TP Hà nội		
37	Hà Thị Anh Đào	020C002393			1-CMT	011723444	13/5/2003	Hà Nội		P.407-E2B Tập thể Ngân hàng - P.Phương mai - Q.Đống đa - Tp Hà nội		
38	Hà Thị Thu Hương	Không có			1-CMT	013079659	16/5/2008	Hà Nội		Xóm Thượng - Thanh liệt - Thanh trì - Hà nội		
39	Trần Thị Minh Hà	020C001247	4		1-CMT	001162006667	03/08/2016	Hà Nội		Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dừa-Đống đa Hà nội	11/5/2009	
40	Lê Thị Liên	Không có			1-CMT	010121269	3/1/1989	Hà Nội		Số nhà 9/15 ngõ 47 Đội Cấn, Ba đình, Hà nội		
41	Lê Xuân Tư	Không có			1-CMT	011715680	26/3/2001	Hà Nội		Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dừa-Đống đa Hà nội		
42	Lê Xuân Hiệp	Không có			1-CMT	012433278	5/5/2001	Hà Nội		Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dừa-Đống đa Hà nội		
43	Lê Xuân Hoàng	Không có			1-CMT	012962341	22/4/2007	Hà Nội		Số 14 ngõ 26 phố Võ Văn Dũng-P.Ô chợ dừa-Đống đa Hà nội		
44	Trần Văn Tuyến	Không có			1-CMT	012115565	16/4/1998	Hà Nội		Số nhà 19 tổ 46 Yên hòa, Cầu giấy, Hà nội		
45	Trần Thị Minh Kha	Không có			1-CMT	010955457	10/7/1985	Hà Nội		25 lô A tổ 100 Hoàng cầu, Đống đa, Hà nội		
46	Trần Mạnh Thuận	Không có			1-CMT	011248476	4/5/2006	Hà Nội		Phòng 403/N9, Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội		
47	Trần Văn Thuyền	Không có			1-CMT	023000122	26/2/2008	Hồ Chí Minh		23/14 C1 Cộng hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP		
48	Trần Thuận	Không có			1-CMT	010426806	3/4/2003	Hà Nội		Số nhà 4, Ngõ 16/1 Thái Hà, Đống đa, Hà nội		
49	Trần Văn Thái	Không có			1-CMT	012236802	26/5/1999	Hà Nội		Số nhà 9/15 ngõ 47 Đội Cấn, Ba đình, Hà nội		
50	Hoàng Văn Thành	Không có	5		1-CMT	012869678	21/4/2006	Hà Nội		A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội	28/11/2013	

51	Trần Thị Thu Oanh	Không có				1-CMT	012869677	21/4/2006	Hà Nội	A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội		
52	Hoàng Văn Anh	Không có				1-CMT	012869676	21/4/2006	Hà Nội	A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội		
53	Hoàng Đức Trung	Không có					chưa có			A2 TT16 Đô thị Văn Quán - Hà Đông - Hà Nội		
54	Hoàng Minh Châu	Không có				1-CMT	164028717	29/9/2013	Ninh Bình	Ga Ghềnh - Thị xã Tam Điệp - Ninh Bình		
55	Hoàng Thị Khuy	Không có				1-CMT	161332983	24/6/2010	Nam Định	Số 110 Phố Hàng Sắt - TP Nam Định - Tỉnh Nam Định		
56	Tổng Văn Hải	009C023419			5	1-CMT	013079658	15/5/2008	Hà Nội	195 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	11/5/2009	
57	Tổng Hữu Hạp	Không có				1-CMT	036052001058	28/7/2016	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định		
58	Đỗ Thị Cang	Không có				1-CMT	160800783	1/2/2002	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định		
59	Tổng Thị Hiền	Không có				1-CMT	162865430	19/12/2013	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định		
60	Tổng Duy Hiền	Không có				1-CMT	162842050	9/7/2004	Nam Định	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định		
61	Hà Thị Thu Hương	Không có				1-CMT	0113079659	15/5/2008	Hà Nội	Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN		
62	Tổng Hà Khánh Chi	Không có					Chưa có			Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN		
63	Tổng Nhật Minh	Không có					Chưa có			Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì, HN		
64	Ngô Đức Giang	021C039084	12/12/2012		7,11	1-CMT	012731685	6/9/2004	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội	28/11/2013	
65	Phan Lệ Thu	353008160				1-CMT	011551121	19/10/2001	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội		
66	Ngô Minh Đức	Không có				1-CMT	013297836	29/4/2010	Hà Nội	P506 D7 TT Cty NL TACN Phương Mai, Hà Nội		
67	Ngô Vĩnh Tường	Không có				1-CMT	161452479	24/3/1982	Hà Nam Ninh	Xóm 18 - Hải Phương - Hải Hậu - Nam Định.		
68	Nguyễn Thị Nga	Không có				1-CMT	160498987	7/9/1978	Hà Nam Ninh	Xóm 18 - Hải Phương - Hải Hậu - Nam Định.		
69	Ngô Quang Khai	Không có				1-CMT	162177710	20/3/1996	Nam Hà	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh		
70	Ngô Thị Kim Oanh	Không có				1-CMT	162795602	23/10/2003	Nam Định	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		

71	Lê Quang Tuấn	0001013503	25/1/2010	7	CCCD	'038074000352	17/3/2016	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	21/10/2011
72	Lê Thanh Hà	Không có			1-CMT	001174004705	9/6/2015	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	
73	Lê Quang Tạo	Không có			1-CMT	012997245	27/8/2007	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	
74	Nguyễn Thị Thao	0001018334	21/7/2011		1-CMT	011480793	4/3/2005	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	
75	Lê Văn Trình	Không có			1-CMT	012839340	28/12/2005	Hà Nội	Số 1, Ngõ 376, Đ. Ngõ Gia Tự, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	
76	Tạ Thị Dung	Không có			1-CMT	010590739	17/4/2008	Hà Nội	Số 1, Ngõ 376, Đ. Ngõ Gia Tự, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	
77	Lê Hà Thu	Không có			1-CMT	001301012851	31/3/2016	Hà Nội	Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	
78	Lê Lan Phương	Không có				Chưa có			Số 60, Tổ 20, Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	
79	Lê Thu Giang	Không có			1-CMT	011821814	8/6/1998	Hà Nội	P412 D1, Phường Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	
80	Phương Thảo Hiền	26098629		10	CCCD	020178000050	7/11/2016	Hà Nội	Số nhà 4 ngõ 46/58 Hào Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	23/01/2014
81	Lê Văn Tài	Không có			CCCD	030076000224	10/11/2016	Hà Nội	Số nhà 4 ngõ 46/58 Hào Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	
82	Phương Mạc	Không có			1-CMT	080775497	29/08/2012	Lạng Sơn	Số 4 ngõ 5 Đường Ngõ Quyền, phường Vĩnh Trại, Đông Kinh, Lạng Sơn	
83	Tô Bích Thủy	Không có			1-CMT	080803435	18/04/2000	Lạng Sơn	Số 4 ngõ 5 Đường Ngõ Quyền, phường Vĩnh Trại, Đông Kinh, Lạng Sơn	
84	Lê Anh Đức	Không có				Chưa có			Số nhà 4 ngõ 46/58 Hào Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	
85	Lê Văn Phúc	Không có				Chưa có			Số nhà 4 ngõ 46/58 Hào Nam, p. Ô chợ Dừa, q. Đống Đa, TP Hà Nội	

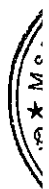
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017.
PETROLIMEX ĐỒNG QUẬN CẦU GIẤY
CTCP
Phạm Bà Nhuận





Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-155-KT-HN



Wang Tuấn Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.983.178.841.054	2.556.268.617.270
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	564.861.713.102	605.917.594.464
Tiền	111		190.861.713.102	183.867.799.464
Các khoản tương đương tiền	112		374.000.000.000	422.049.795.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.851.350.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	43.851.350.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.566.184.002.298	1.191.169.714.476
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		73.138.430.615	164.813.568.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.539.810.234	18.725.232.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(187.716.688.431)	(189.342.525.522)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	211.360.482
Hàng tồn kho	140	10	776.729.529.665	733.380.600.929
Hàng tồn kho	141		776.729.529.665	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.552.245.989	25.800.707.401
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.763.099.218	7.152.230.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.525.188.685	15.208.976.765
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	2.263.958.086	3.439.499.837

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		897.559.049.676	814.708.236.499
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.864.872.800	3.825.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.864.872.800	3.825.000.000
Tài sản cố định	220		508.837.657.656	499.883.548.672
Tài sản cố định hữu hình	221	11	506.276.626.033	497.203.650.120
<i>Nguyên giá</i>	222		1.051.657.752.895	956.784.666.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(545.381.126.862)	(459.581.016.331)
Tài sản cố định vô hình	227		2.561.031.623	2.679.898.552
<i>Nguyên giá</i>	228		7.879.535.312	7.265.535.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.318.503.689)	(4.585.636.760)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	-
<i>Nguyên giá</i>	231	12	3.234.686.485	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		152.870.182.358	80.639.517.992
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	152.870.182.358	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.232.641.789	67.080.380.386
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	63.232.641.789	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	260		165.519.008.588	163.279.789.449
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	165.519.008.588	163.279.789.449
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.880.737.890.730	3.370.976.853.769

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.537.043.216.684	2.019.622.154.131
Nợ ngắn hạn	310		2.462.289.679.528	1.978.198.065.264
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	780.398.616.082	581.884.329.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.931.623.376	39.272.546.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	20.716.038.169	20.528.544.581
Phải trả người lao động	314		37.740.047.020	48.368.119.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.669.411.851	11.551.069.588
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.010.413.010	17.576.276.698
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.579.304.542.721	1.255.895.802.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.518.987.299	3.121.375.999
Vay dài hạn	330		74.753.537.156	41.424.088.867
Vay dài hạn	338	20(b)	74.753.537.156	41.424.088.867
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.343.694.674.046	1.351.354.699.638
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.343.694.674.046	1.351.354.699.638
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(31.616.582)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	338.290.620.318	298.985.382.014
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	172.969.155.619	219.902.802.933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.568.289.505	15.079.299.599
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		171.400.866.114	204.823.503.334
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.880.737.890.730	3.370.976.853.769

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	27	5.049.088.496.895	4.804.729.340.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.629.541.925	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	27	5.046.458.954.970	4.804.729.340.377
Giá vốn hàng bán	11	28	4.263.628.331.642	3.943.091.774.651
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		782.830.623.328	861.637.565.726
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	31.867.413.787	30.451.799.413
Chi phí tài chính	22	30	60.268.695.295	77.350.158.678
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		54.202.198.384	50.240.922.679
Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết	24		(3.847.738.597)	10.546.573.303
Chi phí bán hàng	25	31	446.045.201.873	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	91.678.692.836	106.986.032.605
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		212.857.708.514	249.358.662.683
Thu nhập khác	31		4.348.537.806	10.627.949.154
Chi phí khác	32		2.129.202.299	3.333.673.675
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.219.335.507	7.294.275.479
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		215.077.044.021	256.652.938.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	43.676.177.907	51.829.434.828
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		171.400.866.114	204.823.503.334
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.121	2.535

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người lập:




Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	215.077.044.021	256.652.938.162
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	92.796.367.154	102.259.726.074
Các khoản dự phòng	03	(1.625.837.091)	(3.998.448.562)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(655.556.412)	14.093.129.891
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.007.892.141)	(31.434.073.200)
Chi phí lãi vay	06	54.202.198.384	50.240.922.679
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	342.786.323.915	387.814.195.044
Biến động các khoản phải thu	09	(382.150.163.455)	(104.600.142.224)
Biến động hàng tồn kho	10	(43.348.928.736)	207.968.778.397
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	162.114.381.402	289.031.880.856
Biến động chi phí trả trước	12	(2.215.661.663)	(11.133.828.789)
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.202.198.384)	(46.966.833.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.582.557.215)	(81.799.580.034)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.036.531.824)	(11.155.762.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.635.335.960)	629.158.707.420
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(180.090.380.607)	(129.790.499.609)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.049.790.000	1.443.060.453
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(43.851.350.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	4.513.704.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	19.105.294.700	20.104.376.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.786.645.907)	(103.729.358.785)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

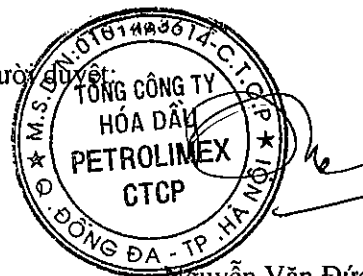
	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.599.755.301.078	3.276.065.976.789
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.244.693.834.831)	(4.528.643.719.917)
Tiền trả cổ tức	36	(160.649.989.175)	(2.123.859.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	194.411.477.072	(1.254.701.602.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(41.010.504.795)	(729.272.253.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	605.917.594.464	1.335.175.091.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.376.567)	14.756.380
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 61) (Thuyết minh 5)	70	564.861.713.102	605.917.594.464

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viênPhương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2017: 2 công ty con) như sau:

			31/12/2017 và 01/01/2017
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty và các công ty con có 716 nhân viên (01/01/2017: 717 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 342 nhân viên (01/01/2017: 350 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 262 nhân viên (01/01/2017: 260 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 112 nhân viên (01/01/2017: 107 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

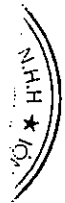
(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.413.329.468.772	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	(6.341.401.281)	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
Kết quả kinh doanh của bộ phận	191.397.942.337	13.443.196.654	40.265.589.628	-	245.106.728.619
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	6.579.818.469	23.509.775.190	34.218.429.820	(4.039.328.184)	60.268.695.295
Phản lãi trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	2.127.123.521	2.078.778	-	-	2.129.202.299
Kết quả từ các hoạt động khác	1.690.642.929	(1.532.998.607)	(24.787.649.136)	(5.399.679.784)	(30.029.684.598)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
Lợi nhuận thuần sau thuế	155.037.962.782	9.387.738.886	12.374.844.230	(5.399.679.784)	171.400.866.114

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Dầu mỡ nhờn VND (Phân loại lại)	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.624.529.525.227	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	-	4.804.729.340.377
Doanh thu giữa các bộ phận	6.844.594.971	-	-	(6.844.594.971)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.631.374.120.198	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	(6.844.594.971)	4.804.729.340.377
Giá vốn hàng bán	1.093.197.146.749	1.137.940.427.367	1.718.798.795.506	(6.844.594.971)	3.943.091.774.651
Chi phí bán hàng	260.970.078.443	137.434.518.672	70.536.487.361	-	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.265.218.401	46.931.325.136	11.789.489.068	-	106.986.032.605
Kết quả kinh doanh của bộ phận	228.941.676.605	15.311.280.853	41.457.491.187	-	285.710.448.645
Doanh thu hoạt động tài chính	22.960.515.286	20.775.038.945	5.673.478.601	(18.957.233.419)	30.451.799.413
Chi phí tài chính	(3.230.547.237)	33.876.352.566	39.187.333.740	7.517.019.609	77.350.158.678
Phần lãi trong công ty liên kết	10.546.573.303	-	-	-	10.546.573.303
Thu nhập khác	3.557.636.198	6.933.667.704	136.645.252	-	10.627.949.154
Chi phí khác	3.303.515.529	25.150.206	5.007.940	-	3.333.673.675
Kết quả từ các hoạt động khác	36.991.756.495	(6.192.796.123)	(33.382.217.827)	(26.474.253.028)	(29.057.510.483)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.933.433.100	9.118.484.730	8.075.273.360	(26.474.253.028)	256.652.938.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.093.468.181	2.119.911.974	1.616.054.673	-	51.829.434.828
Lợi nhuận thuần sau thuế	217.839.964.919	6.998.572.756	6.459.218.687	(26.474.253.028)	204.823.503.334

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
Tổng tài sản	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
Tổng nguồn vốn	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhuộm đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.712.417.389	415.958.497.547	144.246.679.528	-	605.917.594.464
Các khoản phải thu ngắn hạn	194.647.446.673	368.469.534.268	644.527.540.733	(16.474.807.198)	1.191.169.714.476
Hàng tồn kho	430.815.821.850	96.107.928.378	206.456.850.701	-	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.465.573.216	9.287.528.975	11.047.605.210	-	25.800.707.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	179.456.443.692	208.300.422.568	112.126.682.412	-	499.883.548.672
Tài sản dở dang dài hạn	43.618.500.559	29.342.413.333	7.678.604.100	-	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(508.919.619.614)	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	62.539.480.015	27.266.344.091	73.473.965.343	-	163.279.789.449
Tổng tài sản	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	212.873.980.551	810.909.323.921	970.889.567.990	(16.474.807.198)	1.978.198.065.264
Nợ dài hạn	-	-	41.424.088.867	-	41.424.088.867
Vốn chủ sở hữu	1.325.381.702.843	347.648.345.239	187.244.271.170	(508.919.619.614)	1.351.354.699.638
Tổng nguồn vốn	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Chi tiêu vốn	61.675.123.930	50.702.875.791	17.412.499.888	-	129.790.499.609
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	63.823.847.614	24.529.177.261	11.343.437.193	-	99.696.462.068
Khấu hao tài sản cố định vô hình	418.305.421	191.559.996	-	-	609.865.417

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5.235.443.344	2.874.871.359
Tiền gửi ngân hàng	185.626.269.758	180.992.928.105
Các khoản tương đương tiền	374.000.000.000	422.049.795.000
	<hr/>	<hr/>
	564.861.713.102	605.917.594.464

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND và USD có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5%-6% một năm.

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	57.940.108.349	74.570.633.049
Các bên khác		
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	148.963.621.050	66.305.725.867
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	121.818.513.269	9.797.971.642
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	89.100.917.476	47.677.913.542
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	72.340.208.538	68.731.244.395
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	71.906.423.299	69.301.268.313
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	71.155.037.016	61.096.651.021
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty Xây dựng 123 – Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – CTCP	10.428.627.000	30.766.116.715
▪ Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	127.751	41.468.975.598
▪ Các khách hàng khác	984.433.439.832	688.910.151.757
	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	8.191.834.346	9.898.771.003
Lãi tiền gửi dự thu	1.559.318.259	858.772.221
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	2.662.958.910
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.788.657.629	5.304.730.863
	14.539.810.234	18.725.232.997

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	199.267.583.947	-	199.267.583.947
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	457.095.449.716	(187.716.688.431)	269.378.761.285

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

01/01/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	295.368.510.175	-	295.368.510.175
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.210.103.271	(1.327.064.269)	12.883.039.002
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.547.045.903	(15.636.293.828)	26.910.752.075
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.237.056.309	(46.797.425.313)	30.439.630.996
▪ Từ 3 năm trở lên	135.829.469.324	(125.581.742.112)	10.247.727.212
	565.192.184.982	(189.342.525.522)	375.849.659.460

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (189.342.525.522)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	109.412.083.244	-	38.983.444.448	-
Nguyên vật liệu	239.854.363.389	-	319.672.588.128	-
Công cụ và dụng cụ	11.986.450.786	-	11.663.314.283	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.202.092.098	-	23.915.504.901	-
Thành phẩm	189.191.154.428	-	209.801.299.237	-
Hàng hóa	199.083.385.720	-	129.344.449.932	-
	776.729.529.665	-	733.380.600.929	-

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	488.817.691.038	297.609.633.086	150.263.896.174	20.093.446.153	956.784.666.451
Tăng trong năm	702.194.635	15.392.162.344	7.006.103.505	2.582.644.546	25.683.105.030
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.351.177.845	20.935.813.855	12.321.712.910	1.714.051.285	77.322.755.895
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.690.658.305)	-	1.407.773.258	282.885.047	-
Biến động khác	(3.835.897.580)	-	-	-	(3.835.897.580)
Số dư cuối năm	526.344.507.633	333.937.609.285	166.784.668.986	24.590.966.991	1.051.657.752.895
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	191.643.059.067	154.430.932.193	97.544.416.095	15.962.608.976	459.581.016.331
Khấu hao trong năm	36.750.150.969	36.155.961.778	15.256.780.861	1.934.093.824	90.096.987.432
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.518.808.673)	-	1.247.849.771	270.958.902	-
Số dư cuối năm	226.874.401.363	190.586.893.971	109.834.229.866	18.085.601.662	545.381.126.862
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	297.174.631.971	143.178.700.893	52.719.480.079	4.130.837.177	497.203.650.120
Số dư cuối năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 224.465 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 188.983 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	-

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là mảnh đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	80.639.517.992	181.756.099.118
Tăng trong năm	154.407.275.577	90.231.977.656
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.322.755.895)	(139.788.250.144)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(600.938.688)	(49.562.451.450)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(614.000.000)	(1.535.650.914)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.234.686.485)	-
Giảm khác	(404.230.143)	(462.206.274)
Số dư cuối năm	152.870.182.358	80.639.517.992

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	17.680.399.573	13.121.874.398
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	15.860.607.248	11.292.216.363
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	7.310.267.889	8.310.850.082
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	-	3.234.686.485
Các dự án khác	437.200.000	395.000.000
	48.552.347.941	43.618.500.559
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	11.136.335.235	10.901.608.400
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	7.841.265.967	6.020.894.200
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	6.812.403.805	6.003.374.805
Các dự án khác	27.326.940.540	6.416.535.928
	53.116.945.547	29.342.413.333
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho Đình Vũ	50.259.691.598	5.430.757.807
Các dự án khác	941.197.272	2.247.846.293
	51.200.888.870	7.678.604.100
	152.870.182.358	80.639.517.992

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 50.259 triệu VND (2016: Không).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017		Số lượng cổ phiếu	01/01/2017	
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	43,78%	63.232.641.789	6.600.000	43,78%	67.080.380.386
			<u>63.232.641.789</u>			<u>67.080.380.386</u>

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	67.080.380.386	61.047.511.083
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết Thanh lý	(3.847.738.597)	10.546.573.303
	-	(4.513.704.000)
Số dư cuối năm	<u>63.232.641.789</u>	<u>67.080.380.386</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	409.710.045.201	332.991.898.465
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	9.013.900.868	4.395.898.573
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	1.662.025.979	3.867.100.611
	<hr/>	
	420.385.972.048	341.254.897.649
Các bên khác		
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd	66.814.874.984	-
▪ Hanwa Co., Ltd	61.986.339.643	-
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	27.828.738.747	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd	50.163.949.037	-
▪ SK Networks Co., Ltd	-	51.522.338.590
▪ Petronas Chemical Marketing	1.047.794.944	49.335.022.109
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	21.101.032.594	20.271.230.090
▪ Elf Lubrifiant Paris	4.513.253.849	14.717.936.150
▪ Exxon Mobil Asia Ltd.	10.586.737.586	6.641.827.500
▪ Các nhà cung cấp khác	115.969.922.650	98.141.077.689
	<hr/>	
	360.012.644.034	240.629.432.128
	<hr/>	
	780.398.616.082	581.884.329.777
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	6.912.230.045	1.019.751.178.020	(375.132.926.660)	(643.578.390.533)	1.695.254	7.953.786.126	
Thuế nhập khẩu	111.824.978	-	18.063.152.563	(18.047.133.102)	-	95.805.517	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.829.859	9.510.782.132	43.719.293.193	(42.582.557.215)	-	1.998.683.098	9.483.371.349	
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.081.599.928	28.539.717.187	(29.296.067.641)	-	-	2.325.249.474	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.023.932.476	6.653.288.234	(6.776.374.515)	-	2.929.217	903.775.412	
Thuế khác	164.845.000	-	2.778.469.690	(2.728.613.882)	-	164.845.000	49.855.808	
	3.439.499.837	20.528.544.581	1.119.505.098.887	(474.563.673.015)	(643.578.390.533)	2.263.958.086	20.716.038.169	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	2.946.264.663	4.331.419.668
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	723.147.188	1.775.034.667
Chi phí vận chuyển	-	505.898.643
Chi phí sửa chữa Kho hóa chất Nhà Bè	-	4.870.246.243
Các khoản trích trước khác	-	68.470.367
	<hr/>	<hr/>
	3.669.411.851	11.551.069.588
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả cổ tức	1.335.214.725	1.259.645.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.848.440.516	2.436.939.527
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	826.757.769	5.879.691.571
	<hr/>	<hr/>
	13.010.413.010	17.576.276.698
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND
Vay ngắn hạn	1.255.895.802.688	1.255.895.802.688	3.568.256.957.078	(3.244.693.834.831)
			(154.382.214)	1.579.304.542.721
				1.579.304.542.721

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2017		01/01/2017	
			VND	VND	VND	VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	727.795.392.857	475.002.687.366		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3	4.958.203.853	64.225.527.618		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	32.269.060.024	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	6.355.911.544	55.627.780.064		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	15.602.309.573	170.775.457.403		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	144.013.377.712	20.571.189.383		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 4,9	187.012.979.342	93.102.854.790		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	4,2 - 5,5	-	75.337.401.234		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,7 - 3	81.158.077.301	258.231.909.693		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	29.006.207.739	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,5	4.161.151.500	7.253.085.276		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	68.133.659.787	35.767.909.861		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	2,3	104.662.053.513	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	61.358.204.045	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	112.817.953.931	-		
			1.579.304.542.721	1.255.895.802.688		

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	01/01/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	41.424.088.867	41.424.088.867	33.329.448.289	-	74.753.537.156	74.753.537.156

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	27.750.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	10.400.000.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.558.356.945	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.715.731.922	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.321.621.000	-
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.831.104.289	-
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	6.297.900.000	-
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.520.945.700	-
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	10.646.677.300	-
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.711.200.000	-
				74.753.537.156	41.424.088.867

Vay dài hạn là các khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 49.907 triệu VND (Thuyết minh 15) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

(*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.121.375.999	(2.729.592.945)
Trích lập trong năm	17.391.028.243	17.006.730.962
Sử dụng trong năm	(11.993.416.943)	(11.155.762.018)
Số dư cuối năm	<u>8.518.987.299</u>	<u>3.121.375.999</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	232.943.693.904	20.463.604.691	98.127.727.936	1.163.537.936.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	204.823.503.334	204.823.503.334
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.006.730.962)	(17.006.730.962)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	(3.168.901.421)	-	3.168.892.156	(9.265)
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
Số dư ngày 31/12/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã chia cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 (2016: Không).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	154.604.789.547	37.061.448.006

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	562.098	12.736.355.010	327.884	7.443.668.553
Euro ("EUR")	245	6.966.781	478	12.198.088
		<u>12.743.321.791</u>		<u>7.455.866.641</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đã được duyệt	135.220.000.000	152.567.000.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
Bán dầu mỡ nhờn	1.371.676.877.855	1.607.233.915.270
Bán nhựa đường	1.630.315.437.321	1.337.617.552.028
Bán hóa chất, dung môi	1.983.575.044.729	1.828.374.023.122
Bán hàng hóa khác	41.917.080.280	17.295.609.957
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	21.604.056.710	14.208.240.000
	<hr/>	<hr/>
	5.049.088.496.895	4.804.729.340.377
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.629.541.925)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	5.046.458.954.970	4.804.729.340.377

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND (Đã phân loại lại)
Giá vốn dầu mỡ nhờn	930.008.733.745	1.072.313.441.984
Giá vốn nhựa đường	1.419.196.345.372	1.151.437.218.745
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.880.267.806.740	1.718.798.795.506
Giá vốn hàng hóa khác	34.155.445.785	16.168.315.654
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(15.625.997.238)
	<hr/>	<hr/>
	4.263.628.331.642	3.943.091.774.651

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	19.805.840.738	18.913.546.530
Lợi nhuận được chia	-	531.024.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.899.696.361	8.277.907.488
Lãi hàng bán trả chậm	3.988.805.889	2.729.321.395
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.070.799	-
	<hr/> 31.867.413.787	<hr/> 30.451.799.413 <hr/>

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	54.202.198.384	50.240.922.679
Chiết khấu thanh toán	2.329.525.306	1.195.812.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.736.971.605	25.131.894.833
Chi phí tài chính khác	-	781.529.166
	<hr/> 60.268.695.295	<hr/> 77.350.158.678 <hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	75.303.488.351	72.924.458.897
Chi phí vận chuyển	95.207.292.932	91.936.379.438
Chi phí hỗ trợ bán hàng	71.690.263.334	85.446.147.713
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	55.120.289.008	82.398.969.817
Chi phí sửa chữa	9.772.189.368	7.356.364.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.276.905.111	20.780.790.908
Chi phí bán hàng khác	104.674.773.769	108.097.973.540
	<hr/> 446.045.201.873	<hr/> 468.941.084.476 <hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	45.169.150.884	45.807.657.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.779.907.694	3.397.539.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.342.486.889	19.458.639.872
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.387.147.369	38.322.195.907
	91.678.692.836	106.986.032.605

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	900.227.069.565	1.107.411.206.672
Chi phí nhân viên	143.497.499.401	142.746.470.552
Chi phí khấu hao và phân bổ	92.796.367.154	102.259.726.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.054.459.459	144.159.638.261
Chi phí khác	245.447.000.524	234.815.019.979

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	215.077.044.021	256.652.938.162
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	43.015.408.804	51.330.587.632
Chi phí không được khấu trừ thuế	444.693.026	690.089.582
Trích bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước	-	131.038.491
Thu nhập không bị tính thuế	-	(322.280.877)
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	216.076.077	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.676.177.907	51.829.434.828

(b) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 171.400.866.114 VND (2016: 204.823.503.334 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (năm 2016: 80.797.566 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Cổ tức	127.778.518.000	-
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.034.392.016.023	677.604.594.889
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.118.368.868.116	1.220.228.110.603
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	132.779.577.830	104.773.635.749
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	24.172.276.507	42.389.159.624
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
▪ Các khoản vay	161.933.876.670	221.880.509.234
▪ Trả nợ vay	205.772.933.904	584.390.371.909
▪ Lãi vay nhập gốc	1.831.104.289	3.274.088.867
▪ Lãi vay	2.154.885.668	7.510.614.745
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	4.723.998.525	4.246.117.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

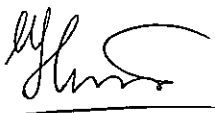
Theo công văn số 213/BTC-CKKT ngày 8 tháng 1 năm 2018 về việc hướng dẫn hạch toán chi phí khuyến mại bằng tiền của Bộ Tài chính, Tổng công ty đã phân loại lại một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để phù hợp với hướng dẫn và đảm bảo tính so sánh của báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND (đã phân loại lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	3.943.091.774.651	4.002.777.581.722
Chi phí bán hàng	468.941.084.476	409.255.277.405

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

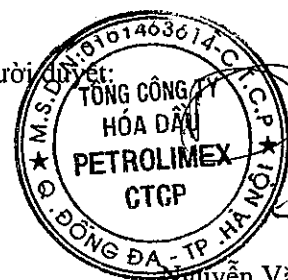


Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PLC đã trải qua một năm với nhiều khó khăn, bất lợi trong bảo hộ mậu dịch của các nước trong khu vực làm cho dầu nhờn PLC cũng như dầu nhờn sản xuất trong nước mất lợi thế cạnh tranh. Quy mô kinh doanh nhựa đường sụt giảm do các dự án đường bộ đình trệ, không rải ngân đúng tiến độ... Riêng ngành hàng hóa chất có nhiều khởi sắc vì sự hợp tác chặt chẽ với Petrolimex trong cung cấp nguyên liệu sản xuất xăng sinh học. Kết quả năm 2017 chưa đạt với kỳ vọng, doanh thu đạt 5.052,8 tỷ đồng, bằng 88% kế hoạch, nhưng chỉ bằng 105% cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 215 tỷ đồng, bằng 72% KH ĐHĐCĐ giao, bằng 84% so với cùng kỳ.

Kết quả kinh doanh không hoàn thành được kế hoạch ĐHĐCĐ giao, thấp so với năm 2016. Có nhiều lý do, nhưng trong đó, lý do lớn nhất là do nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng vẫn còn rất khó khăn, Chính phủ chưa có vốn đối ứng, nên các công trình đầu tư giao thông gần như ngừng trệ, nhu cầu nhựa đường giảm đáng kể, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh ngành hàng nhựa đường nói riêng và của PLC nói chung. Đồng thời, kéo theo đó là nhu cầu dầu mỡ nhờn cho công nghiệp và phương tiện thi công cơ giới cũng giảm theo. Trong khi đó, mặt bằng giá dầu luôn duy trì ở mức thấp, khiến cho giá bán các mặt hàng DMN, Nhựa đường. Hóa chất tuy có nhiều khởi sắc nhưng hiệu quả và tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC chưa cao. Mặc dù các chỉ tiêu đạt được không cao so với các năm trước, nhưng đây là một sự cố gắng rất lớn của HĐQT và ban điều hành. Nó được thể hiện qua vị trí hàng đầu và mức hiệu quả cao trong các ngành hàng mà PLC tham gia kinh doanh trên thị trường.

HĐQT PLC với 5 thành viên và có Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, phụ trách công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc, phụ trách lĩnh vực kinh doanh dầu mỡ nhờn.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh hóa chất.

Trong năm 2017, HĐQT đã triệu tập 9 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 9 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2017 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2017 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.
- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2018 trình ĐHCĐ phê duyệt.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế công bố thông tin, Quy định về chế độ thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và một số quy chế quản trị nội bộ khác đã được ban hành mới, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.
- Chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Năm 2018, được đánh giá là kinh tế phát triển ổn định, tuy nhiên, các gói đầu tư hạ tầng giao thông không có nhiều, nên nhu cầu các sản phẩm nhựa đường cao cấp - là lợi thế của PLC, thậm chí nhiều dự án bị đình trệ, có nguy cơ chậm tiến độ do thiếu vốn. Việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2018 chưa có nhiều thông tin khả quan, tạo đà bật tăng cả về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với ngành hàng nhựa đường. Ngành hàng kinh doanh dầu mỡ nhờn của PLC đang bị cạnh tranh khốc liệt ở trong nước, tại thị trường các nước lân cận, dầu nhờn chưa có lợi thế để cạnh tranh để chiếm thị phần. Ngành hàng hóa chất đang trên đà phát triển tốt, đặc biệt nếu tham gia được vào chuỗi giá trị của sản phẩm xăng sinh học đang được nhà nước khuyến khích sử dụng trên thị trường Việt Nam. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2018 là 236,8 tỷ đồng. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đề ra trong giai đoạn phát triển 2014-2018 là:

- Giữ vững và khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường, khách hàng đang có, thông qua hợp tác chặt chẽ sâu rộng với từng thành viên trong Tập đoàn Petrolimex.
- Bước đầu tiến hành việc xúc tiến bán hàng ra thị trường ngoài nước, làm tiền đề cho sự phát triển, trở thành Tổng công ty mang tầm cỡ khu vực và quốc tế trong tương lai.
- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất hợp lý, tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng hóa chất, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh doanh trong trung hạn.

- Giữ vững hiệu quả sử dụng vốn, giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho. Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp để PLC thực sự hoạt động theo mô hình Tổng công ty.
- Tổ chức huy động vốn trên thị trường bằng phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đảm bảo khả năng cân đối, cơ cấu sử dụng hợp lý, kiểm soát rủi ro tài chính cho các ngành hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Với những mong muốn phát triển bền vững, có sự phát triển trên cả 3 lĩnh vực, đồng thời có những bước đột phá trong những năm tiếp theo sang các lĩnh vực kinh doanh mới, thị trường mới, HĐQT được được tái cơ cấu, phân công nhiệm vụ và củng cố thêm nhân lực trong năm 2018, xây dựng đội ngũ kế cận và phát huy sáng tạo trong nhiệm kỳ tới và cơ cấu lại theo đúng các quy định mới đối với HĐQT của công ty niêm yết. Với mong muốn đó, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua chủ trương tăng số lượng HĐQT lên 7 thành viên và được bầu bổ sung ngay trong kỳ họp ĐHĐCĐ 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Về việc quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2017

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/04/2016;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và kết quả sản hoạt động SXKD năm 2016 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2017 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2017 là: **1.450.375.048 đồng**.
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là: **740.570.997 đồng**.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP**

***Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex***

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex,

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ một số nội dung sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng công ty .

2. Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2018 gồm các Công ty Kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

3. Đề xuất của Ban kiểm soát

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

- (1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;
- (2) Thông qua danh sách các đơn vị Kiểm toán tại Mục 2;
- (3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC và soát xét BCTC năm 2018 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định!

**BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.



Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về phương án trả thù lao cho Thành viên HĐQT và Thành viên BKS năm 2018

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC);
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và điều kiện thực tế của Tổng công ty;

HDQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 về Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS và ban điều hành Tổng công ty PLC năm 2018, như sau :

1. Thù lao, tiền lương của các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS :

1.1. Thù lao các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS không chuyên trách:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2018
1	Thành viên HĐQT	20% tiền lương của Phó tổng giám đốc PLC năm 2018
2	Thành viên BKS	14% tiền lương của Phó tổng giám đốc PLC năm 2018

1.2. Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách và các chức danh quản lý, điều hành:

- Tiền lương năm 2018 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và tiền lương các chức danh quản lý điều hành khác được thực hiện theo Quy chế trả lương cán bộ quản lý của PLC (đã được cổ đông chi phối – Tập đoàn xăng dầu Việt Nam thông qua) và hướng dẫn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (nếu có), tương ứng với việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao năm 2018 (bao gồm cả việc điều chỉnh kế hoạch – nếu có);
- Trường hợp thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ giao năm 2018, thu nhập bổ sung cho các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành được HĐQT PLC xem xét, quyết định phù hợp từng mức độ vượt, đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ theo từng vị trí, tiệm cận với cơ chế thu nhập theo hiệu quả hoạt động, có tính thực tiễn theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần .

1.3. Đối với Thành viên BKS chuyên trách :

- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Trưởng BKS Tổng công ty chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Phó Tổng Giám đốc PLC;

- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Thành viên BKS chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Trưởng phòng nghiệp vụ PLC.
- 2. Phương thức chi trả tiền lương, thù lao năm 2018 :** Thực hiện tạm ứng hàng tháng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó, phù hợp với mức tiền lương, thù lao hàng tháng trong năm 2018 của người quản lý tương ứng trong Tổng công ty PLC; tổng mức tiền lương, thù lao và số còn lại được sẽ quyết toán, chi trả vào cuối năm khi kết thúc năm tài chính, phù hợp với tổng mức tiền lương của người quản lý tương ứng trong Tổng công ty PLC. HĐQT Tổng công ty sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua Báo cáo tổng tiền lương, thù lao theo quy định./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018



TỜ TRÌNH
BAN HÀNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP,

HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã tổ chức rà soát và kính trình ĐHĐCĐ dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty theo các quy định Pháp luật và thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty.

(Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này).

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2018

MỤC LỤC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX.....	1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	2
MỤC I. CỔ ĐÔNG.....	2
Điều 3. Quyền của cổ đông	2
Điều 4. Điều lệ Tổng công ty	3
Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn	3
MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	3
Điều 6. ĐHĐCĐ	3
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	4
Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	5
Điều 10. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	6
Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	8
Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....	8
Điều 13. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.....	9
Điều 14. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	10
Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ	10
Điều 16. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên	12
Điều 17. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên	12
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT	12
MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	12
Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của TV HĐQT.....	13
Điều 20. Trách nhiệm của TV HĐQT	13

Điều 21. Chủ tịch HĐQT	14
MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM TV HĐQT.....	14
Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV HĐQT.....	14
Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí TV HĐQT .	15
Điều 24. Cách thức bầu TV HĐQT	15
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT.....	16
Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT	16
Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên TV HĐQT	16
MỤC III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT	16
Điều 28. Thông báo họp HĐQT	16
Điều 29. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	17
Điều 30. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	17
Điều 31. Ghi biên bản họp HĐQT	17
Điều 32. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết HĐQT	18
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	19
Điều 33. Tiêu chuẩn KSV	19
Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.....	19
Điều 35. Cách thức bầu KSV	19
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.....	19
Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV	20
Điều 38. Các ban thuộc HĐQT	20
Điều 39. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	20
CHƯƠNG V. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY.....	21
Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp	21
Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD.....	21
Điều 42. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.....	22
Điều 43. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.....	22
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.....	23
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD.....	23
Điều 45. Mối quan hệ giữa các TV HĐQT	23

Điều 46. Mọi quan hệ công tác giữa HĐQT với TGD	23
Điều 47. Mọi quan hệ công tác giữa HĐQT với BKS.....	25
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	26
Điều 48. Đánh giá hoạt động đối với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, KTT và người điều hành khác	26
Điều 49. Khen thưởng.....	27
Điều 50. Kỷ luật.....	27
CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	27
Điều 51. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	27
CHƯƠNG IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY.....	28
Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành Tổng công ty khác	28
Điều 53. Giao dịch với người có liên quan	29
Điều 54. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.....	29
CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH	30
Điều 55. Công bố thông tin	30
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý	30
Điều 57. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty.....	30
CHƯƠNG XI. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	31
Điều 58. Đào tạo về quản trị Tổng công ty.....	31
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	31
CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	32
Điều 60. Điều khoản thi hành.....	32

DỰ THẢO THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 95 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-DHĐCĐ của HĐCĐ thường niên 2018
của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex tổ chức vào ngày 18/04/2018*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP và (ii) đảm bảo Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “*Tổng công ty*” và “*PLC*” là Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP;
- b. “*Quản trị Tổng công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được quản lý, định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
 - Lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.
- c. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- d. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số

cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

e. Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC I. CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
- h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị (HDQT) hoặc Ban kiểm soát (BKS) theo

- quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ Tổng công ty;
- b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Điều lệ Tổng công ty

Điều lệ Tổng công ty được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở các quy định của pháp luật, được tham chiếu theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Tổng công ty.

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. HĐQT xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của các cổ đông khác.

MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên hội đồng quản trị (TV HĐQT), thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên (KSV) ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số TV HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các TV HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số TV HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc KSV còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên website của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu TV HĐQT, KSV;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền

đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các TV HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được

theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ Tổng công ty (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, TV HĐQT, KSV, TGD, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế TV HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm TGD.

2. Bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử TV HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty.

Điều 14. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Tổng công ty công bố nghị quyết ĐHĐCĐ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trên các ấn phẩm và Website của Tổng công ty và các phương tiện thông tin theo quy định.
2. Nghị quyết được công bố trên Website của Tổng công ty.
3. Việc thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và do TGD hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước

công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các TV HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty

trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 16. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với TGD;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành doanh nghiệp khác;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 17. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
- Kết quả giám sát đối với TV HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;
- Các đề xuất và kiến nghị của BKS.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT

MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ Tổng công ty.
3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi TV HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
5. HĐQT Tổng công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của TV HĐQT

1. Số lượng TV HĐQT là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của TV HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu TV HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số TV HĐQT.
3. TV HĐQT không còn tư cách TV HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm TV HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm TV HĐQT;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - g. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Việc bổ nhiệm TV HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. TV HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 20. Trách nhiệm của TV HĐQT

1. TV HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;
2. TV HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí

quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

5. TV HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. TV HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của TV HĐQT nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, TV HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.

6. TV HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, cán bộ quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của TV HĐQT.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM TV HĐQT

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV HĐQT

TV HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. TV HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là TV HĐQT của công ty khác.

Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí TV HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết:

- từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do HĐQT đề xuất, đảm bảo ứng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia HĐQT quy định tại Điều 22 Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, ứng cử viên đủ điều kiện làm TV HĐQT độc lập được HĐQT đương nhiệm ưu tiên đề cử. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 24. Cách thức bầu TV HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử TV HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT

1. TV HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức;
- d. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố theo các quy định của pháp luật

Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên TV HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên website của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm TV HĐQT.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là TV HĐQT của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

MỤC III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 28. Thông báo họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các TV HĐQT và các KSV ít nhất năm (03) ngày làm việc trước ngày họp. TV HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của TV HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng TV HĐQT và các KSV được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 29. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số TV HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số TV HĐQT dự họp.

2. TV HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. TV HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của TV HĐQT nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, TV HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.

Điều 30. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số (trên 50%) TV HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) TV HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

3. TV HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 31. Ghi biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng

nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- b. đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - a. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - b. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - c. Các vấn đề đã được thông qua;
 - d. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Tổng công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 32. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết HĐQT

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyết.

3. Nghị quyết của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Tổng công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được sao gửi cụ thể như sau:

- a. Các TV HĐQT, TGD, BKS Tổng công ty.
- b. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể được gửi tới các đơn vị và cá nhân có liên quan.
- c. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến hoạt động của toàn hệ thống Tổng công ty, được sao gửi cho tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty.

4. Tổng công ty thực hiện việc thông báo nghị quyết HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Tiêu chuẩn KSV

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

1. Việc ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do BKS đương nhiệm đề xuất, đảm bảo ứng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia BKS quy định tại Điều 33 Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, ứng cử viên có kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến Tổng công ty được BKS đương nhiệm ưu tiên đề cử. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Cách thức bầu KSV

1. Việc biểu quyết bầu KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

1. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.

a. đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của KSV quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS, Tổng công ty có trách nhiệm công bố theo các quy định của pháp luật.

Điều 38. Các ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có các Ban giúp việc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm các Ban: Tổng hợp; Tài chính; Đầu tư phát triển và các Ban khác. Việc thành lập các Ban phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban.

Điều 39. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và KSV;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng lao động với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) TV HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. TGD phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
- c. TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

5. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số TV HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán

thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

Điều 42. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác

1. Tổng công ty có các Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm, ký hợp đồng có thời hạn (không quá 05 năm) và có thể được bổ nhiệm lại, thay thế. Cơ cấu, số lượng Phó TGD phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
2. Phó TGD giúp TGD quản lý, điều hành Tổng công ty theo phân công và/hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
3. KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp TGD, HĐQT giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
4. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức – cán bộ của Tổng công ty do HĐQT ban hành và pháp luật có liên quan.
5. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 43. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:
 - a. HĐQT là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.
 - b. HĐQT tìm chọn hoặc TGD đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho HĐQT căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.
 - c. Căn cứ vào danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác, HĐQT tiến hành quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:
 - a. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác muốn từ chức phải làm đơn gửi cho HĐQT. HĐQT xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
 - b. HĐQT có thể miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác trong các trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty; vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức.
 - Các trường hợp khác.
- c. Quy trình miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác

Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD

Điều 45. Mối quan hệ giữa các TV HĐQT

1. Quan hệ giữa các TV HĐQT là quan hệ phối hợp; các TV HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý các công việc mà TV HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do TV HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì TV HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các TV HĐQT còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các TV HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và **Quy chế hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành**.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các TV HĐQT thì các TV HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản.

Điều 46. Mối quan hệ công tác giữa HĐQT với TGD

1. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm TGD để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; đồng thời kịp thời bãi nhiệm TGD không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.
2. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của TGD trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. HĐQT thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với TGD một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì TGD đề nghị với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì TGD vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất.
5. Trước các cuộc họp HĐQT 03 (ba) ngày làm việc; TGD phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Tổng công ty cho HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT).
6. TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng công ty.
7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do TGD chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
8. Định kỳ hàng năm HĐQT xem xét, đánh giá, phê duyệt bổ sung quy hoạch lãnh đạo cho các vị trí TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.
9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Tổng công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, TGD có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử TV HĐQT tham dự.
10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo Tổng công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung-dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch HĐQT và TGD cùng dự; hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.
11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó TGD hoặc trưởng/phó Phòng/Ban/đơn vị phục trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).
12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban TGD hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban TGD chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).
13. TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.
14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các TV HĐQT, TGD, Phó TGD và cán bộ quản lý Tổng công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ

trách, thực hiện.

15. TGD phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty để báo cáo HĐQT.

16. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác. TGD phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

17. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo HĐQT phải do TGD ký trình. Trường hợp đặc biệt, TGD có thể ủy quyền bằng văn bản cho 01 Phó TGD thực hiện, trường hợp này TGD vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

Điều 47. Mối quan hệ công tác giữa HĐQT với BKS

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với BKS tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS, tôn trọng tính độc lập, khách quan của BKS.

2. HĐQT có trách nhiệm bố trí bộ máy giúp việc cho BKS, tạo điều kiện tốt nhất cho các KSV BKS trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của BKS; và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của BKS. Tiền lương, thù lao của bộ máy giúp việc do HĐQT quyết định.

3. Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

4. Trưởng BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời tới HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của BKS, mọi biên bản họp BKS phải được gửi tới HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT) chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp BKS.

5. BKS phải kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty;

6. Chậm nhất vào ngày mùng 05 (năm) của tháng đầu quý, BKS gửi cho HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT) báo cáo thực hiện công tác giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty trong quản trị, điều hành Tổng công ty; trong đó có các kiến nghị, đề xuất giải pháp (nếu có) để ngăn ngừa, khắc phục, xử lý các sai phạm. Thư ký HĐQT có trách nhiệm gửi báo cáo của BKS cho các TV HĐQT cùng với các tài liệu khác để phục vụ cho họp HĐQT.

7. HĐQT có quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu.

8. Trên cơ sở các báo cáo của BKS, HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn hệ thống **công ty mẹ - công ty con trong** Tổng công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

9. Thông qua BKS, HĐQT xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

10. BKS có quyền đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc triệu tập ĐHCĐ họp bất thường

theo pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

11. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, KSV BKS có thể đề nghị HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

12. HĐQT đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các TV HĐQT sẽ được cung cấp đồng thời cho BKS.

CHƯƠNG VII.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Đánh giá hoạt động đối với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, KTT và người điều hành khác

1. Phân cấp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm:

- a) HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng TV HĐQT, TGD, Trưởng BKS và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- b) TGD đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- c) Trưởng BKS đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các KSV.

2. Phương thức đánh giá:

Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức phù hợp khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá, gồm:

- a. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
- b. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Tổng công ty, chủ trương, chính sách của Tổng công ty và pháp luật.
- c. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
- d. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

- e. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty và mức độ tín nhiệm.
- f. Các tiêu chí đánh giá khác (nếu có) do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

4. Xếp loại đánh giá

- a. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác được phân thành các loại sau:
 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
 - Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- a. Các văn bản đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của cán bộ.

Điều 49. Khen thưởng

1. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty do HĐQT ban hành.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

Điều 50. Kỷ luật

1. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Tổng công ty; tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.
2. HĐQT quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và KSV;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.

CHƯƠNG IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành Tổng công ty khác

1. TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân và/hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức và/hoặc cá nhân khác.
2. TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có trách nhiệm và nghĩa vụ thông báo cho HĐQT những hợp đồng giữa Tổng công ty với chính đối tượng

đó hoặc với những người có liên quan tới đối tượng đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các TV HĐQT không có quyền và lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có quyền và lợi ích liên quan, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

4. TV HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp quyền và lợi ích của TV HĐQT trong giao dịch này chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 53. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua, bán, phân phối, lũng đoạn giá cả...

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và người có liên quan.

Điều 54. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty

1. Tổng công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

2. Tổng công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty thông qua việc:

- a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định;
- b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, TGD, Phó TGD và BKS.

3. Tổng công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Tổng công ty.

CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 55. Công bố thông tin

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Ngoài ra, Tổng công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 57. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty

1. Tổng công ty tổ chức công bố thông tin gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - Bổ nhiệm tối thiểu một (01) cán bộ công bố thông tin.
2. Cán bộ công bố thông tin có thể là Thư ký hoặc cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ công bố thông tin phải là người:
- Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Tổng công ty theo quy định;
 - Chịu trách nhiệm về công bố thông tin của Tổng công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG XI. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 58. Đào tạo về quản trị Tổng công ty

TV HĐQT, TGD, KSV phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo tổ chức để nâng cao kiến thức, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ quản trị Tổng công ty.

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
- b. Cổ đông với HĐQT, TGD, Phó TGD và BKS hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XII.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 12 chương 60 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2018. Các quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.
2. Các TV HĐQT, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.
3. BKS có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.
4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do HĐQT Tổng công ty quyết định.
5. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Tên tổ chức/cổ đông cá nhân/ nhóm cổ đông (có danh sách kèm theo):

Giấy CNĐKKD/CMND:.....ngày cấp tại.....

Địa chỉ:

Là cổ đông (nhóm cổ đông) sở hữu số cổ phần: cổ phần.

(*Bằng chữ*:.....), tương đương với % Vốn
điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu
Petrolimex-CTCP và Thẻ lệ bầu cử, chúng tôi xin đề cử ông/bà có tên dưới đây:

Họ và tên	Ngày sinh	CMTND/Hộ chiếu số/ngày cấp/nơi cấp	Địa chỉ

Làm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng
công ty Hóa dầu Petrolimex bầu vào Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa dầu
Petrolimex.

Trân trọng!

....., ngàytháng năm 2018

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND,
bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa,
chuyên môn;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

ĐƠN ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Tên tổ chức/cổ đông cá nhân/ nhóm cổ đông (có danh sách kèm theo):

Giấy CNĐKKD/CMND:.....ngày cấp tại.....

Địa chỉ:

Là cổ đông (nhóm cổ đông) sở hữu số cổ phần: cổ phần.

(*Bằng chữ:*.....), tương đương với % Vốn

điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP và Thẻ lệ bầu cử, chúng tôi xin đề cử ông/bà có tên dưới đây:

Họ và tên	Ngày sinh	CMTND/Hộ chiếu số/ngày cấp/nơi cấp	Địa chỉ

Làm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Trân trọng!

....., ngàytháng năm 2018

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và chuyên môn;

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

ĐƠN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX -CTCP**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Tên tôi là:

Sinh ngày:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu:ngày cấp tại.....

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần

tương đương với% Vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex và Thể lệ bầu cử, tôi xin được tham gia ứng cử vào thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 5 năm 2018-2022 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Trân trọng./.

....., ngàytháng ...năm 2018

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Tên tôi là:

Sinh ngày:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu:ngày cấp tại.....

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần tương đương với% Vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP và Thẻ lệ bầu cử, tôi xin được ứng cử Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP nhiệm kỳ nhiệm kỳ 5 năm 2018-2022 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2018

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền của các cổ đông tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Ảnh 4 x 6
(ảnh màu chụp không
quá 6 tháng và đóng
dấu giáp lai của cơ
quan xác nhận lý lịch)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho các thành viên được đề cử, ứng cử
vào Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên PLC
nhiệm kỳ 2018-2022)*

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh:
2. Họ và tên thường dùng:
3. Bí danh:
4. Giới tính: Nam Nữ
5. Ngày tháng năm sinh:
6. Nơi sinh:
7. Số CMTND/Hộ chiếu:, ngày cấp:, tại:
8. Quốc tịch :
9. Dân tộc:
10. Quê quán:
11. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
.....
12. Địa chỉ thường trú hiện nay:
.....
13. Tên của Tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có):
.....
14. Địa chỉ của tổ chức ủy quyền đại diện:
.....
15. Số điện thoại liên lạc:
16. Trình độ văn hóa:
17. Trình độ chuyên môn (ghi rõ tốt nghiệp trường gì, chuyên ngành nào, hệ gì,
năm bao nhiêu)
-

.....
18. Trình độ ngoại ngữ:

19. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

20. Chức vụ công tác hiện nay:

.....

21. Khen thưởng/Kỷ luật:

.....
.....

22. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có):

.....
.....

22. Các lợi ích có liên quan đến Tổng công ty PLC (nếu có):

.....
.....

II. CÁC MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH (bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh/chị em ruột, bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi):

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi làm việc	Chức vụ
1					
2					
3					
...					

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 2018

Người khai
(Ký tên và ghi rõ họ tên)



Hà nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **Trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex kính trình Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 Báo cáo của Ban kiểm soát gồm những nội dung chính sau:

PHẦN I

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 **VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

1. Tổ chức, nhân sự Ban kiểm soát (BKS)

Trong 10 tháng đầu năm 2017, BKS hoạt động với 3 thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex. Từ ngày 01/11/2017, Bà Trần Thị Minh Hà, Trưởng Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ và Ban kiểm soát đã bầu Ông Tống Văn Hải, thành viên Ban kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty.

2. Triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS, trong năm 2017, BKS đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch kiêm giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số hoạt động cụ thể:

- Tham gia tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty,
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT,
- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, kế hoạch lao động tiền lương năm 2017...,
- Thông qua kiểm toán độc lập để soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ,
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý, quản trị công ty,

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS,

- Phối hợp cùng các Ban giúp việc HĐQT, thông qua kiểm soát viên công ty con tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình quản lý tại Kho Nhựa đường Nhà Bè thuộc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex nhằm nâng cao khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi thông tin thông qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của BKS.

Đánh giá chung: Trong năm 2017, BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, BKS nhận thấy công tác kiểm tra giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp từ HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

2. Hoạt động của từng Kiểm soát viên năm 2017

Năm 2017, nhìn chung từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Mỗi kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các phòng/ban của Tổng công ty cũng như các công ty thành viên trong quá trình triển khai công việc được giao.

3. Thù lao của Ban kiểm soát

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là 740.570.997 đồng.

II. Phương hướng hoạt động năm 2018.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự và điều kiện thực tế, trong năm 2018, Ban kiểm soát tập trung thực hiện một số công việc trọng tâm sau:

1. Cùng với HĐQT Tổng công ty, báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 phương án kiện toàn bộ máy tổ chức của BKS.

2. Cùng với HĐQT Tổng công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; chuẩn bị tài liệu báo cáo theo quy định.

3. Sửa đổi quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Xây dựng và tổ chức triển khai thành công kế hoạch hoạt động năm 2018.

4. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty.

5. Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của BKS.

6. Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của BKS như: thẩm định báo cáo tài chính; tham gia xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018; tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật....

PHẦN II

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

I. Báo cáo kiểm soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Đặc điểm, tình hình chung

Ngành hàng Dầu mỡ Nhòn (DMN): Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Tình hình thời tiết không thuận lợi, việc sản xuất và kinh doanh của các ngành kinh tế lớn như than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu mua và sử dụng DMN tại các đơn vị này giảm sút đã làm ảnh hưởng đến nhu cầu chung về DMN. Kinh doanh DMN của Tổng công tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex... Các công ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty.

Ngành hàng Nhựa đường: Nguồn vốn của các dự án giao thông phần lớn dựa vào vốn ODA, ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT... Các dự án này phụ thuộc nhiều vào kế hoạch, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn. Năm 2017 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm (chỉ đạt 36% dự toán, cùng kỳ 2016 bằng 42% dự toán). Một số dự án có kế hoạch triển khai từ năm 2017 - 2019 nhưng đa số mới đang ở giai đoạn làm nền và dự kiến từ năm 2018 mới có nhu cầu nhựa đường. Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt, một số nhà cung cấp nhựa đường đã triển khai xây dựng kho bãi với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây, Đình Vũ - Hải Phòng...

Ngành hàng Hóa chất: Trong hầu hết thời gian của năm 2017 giá dung môi, hóa chất biến động khó lường đã khiến công tác đánh giá, nhận định thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Tổng cầu toàn ngành chưa cao. Mặc dù vẫn nằm trong top dẫn đầu ngành nhưng Công ty luôn gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ với tiềm lực tài chính lớn hoặc được hỗ trợ từ công ty mẹ ở nước ngoài... Trong khi đó, do bán hàng chậm và giá giảm liên tục trong thời gian khá dài và chưa có dấu hiệu hồi phục dẫn đến các nhà cung cấp trên thị trường liên tục bán lỗ để giảm tồn kho và hạn chế mức lỗ.

2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2017

Trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2017; Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH KPMG phát hành ngày 23/03/2018,

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, BCTC hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát trình và báo cáo Đại hội một số nội dung sau:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2017

Đơn vị tính: Tỉn, m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So thực hiện năm 2017 với	
					Năm 2016	KH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	344.064	367.941	340.971	99,10%	92,67%
2	Tổng doanh thu thuần	4.804.729	5.770.302	5.046.459	105,03%	87,46%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	256.653	300.006	215.077	83,80%	71,69%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	204.824	240.005	171.401	83,68%	71,42%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	16,18%	17,57%	12,87%	79,55%	73,25%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	25,35%	29,70%	21,21%	83,68%	71,43%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	20%	100%	100%

Năm 2017 là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty trong cả 3 ngành hàng, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Nhiều chỉ tiêu không đạt Kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2017 giao, như các chỉ tiêu: Sản lượng, Lợi nhuận, Tỷ suất LNST/VCSH...

Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty trong năm 2017 là sự cạnh tranh trong lĩnh vực DMN và sự sụt giảm nhu cầu trong lĩnh vực nhựa đường làm cho sản lượng không đạt được kế hoạch đề ra và tỷ lệ lãi gộp không đạt được như kỳ vọng.

2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ (31/12/2017)		Số đầu năm (01/01/2017)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.983.179	76,9%	2.556.269	75,8%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	564.862	18,9%	605.918	23,7%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	43.851	1,5%	0	0,0%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.566.184	52,5%	1.191.170	46,6%

* Dự phòng phải thu khó đòi	(187.717)		(189.343)	
4. Hàng tồn kho	776.730	26,0%	733.381	28,7%
* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0		0	
5. Tài sản ngắn hạn khác	31.552	1,1%	25.801	1,0%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	897.559	23,1%	814.708	24,2%
1. Các khoản phải thu dài hạn	3.865	0,4%	3.825	0,5%
2. Tài sản cố định ròng	508.838	56,7%	499.884	61,4%
3. Bất động sản đầu tư	3.235	0,4%	0	
4. Tài sản dở dang dài hạn	152.870	17,0%	80.640	9,9%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	63.233	7,0%	67.080	8,2%
6. Tài sản dài hạn khác	165.519	18,4%	163.280	20,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.880.738	100%	3.370.977	100%
I. NỢ PHẢI TRẢ	2.537.043	65,4%	2.019.622	59,9%
1. Nợ ngắn hạn	2.462.290	97,1%	1.978.198	97,9%
2. Nợ dài hạn	74.754	2,9%	41.424	2,1%
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.343.695	34,6%	1.351.355	40,1%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988	60,1%	807.988	59,8%
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.561	0,3%	3.561	0,3%
3. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	359.176	26,7%	319.902	23,7%
4. Lợi nhuận chưa phân phối	172.969	12,9%	219.903	16,3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.880.738	100%	3.370.977	100%

➤ Tình hình tài sản thời điểm 31/12/2017: Tổng tài sản của Tổng công ty là 3.881 tỷ đồng tăng 510 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 427 tỷ đồng và chủ yếu là tăng các khoản phải thu ngắn hạn; tài sản dài hạn tăng 83 tỷ đồng và chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do các dự án lớn của Tổng công ty đang trong giai đoạn triển khai.

➤ Tình hình nguồn vốn thời điểm 31/12/2017: Tổng nguồn vốn của Tổng Công ty tăng 510 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó Nợ phải trả tăng 517 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu giảm 7 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu giảm là do lợi nhuận thực hiện trong năm 2017 giảm so với 2016. Nợ phải trả chiếm 65% trên tổng nguồn vốn tăng 5% so với cùng kỳ 2016 và Hệ số nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu gần 1,9 lần.

2.3. Một số chỉ tiêu đánh giá

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,21
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	0,90
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ / Tổng TS	Lần	0,60	0,65

2	Hệ số nợ / Vốn CSH	Lần	1,49	1,89
III Chỉ tiêu khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	4,26%	3,40%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bq (ROE)	%	16,18%	12,87%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ bq	%	25,35%	21,21%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq (ROA)	%	6,23%	4,61%

Từ những chỉ số trên cho thấy, năm 2017 Tổng công ty đã sử dụng nợ nhiều hơn 2016 để tài trợ cho nhu cầu vốn. ROE thấp hơn 2016 chủ yếu do vòng quay tổng tài sản và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu giảm.

3. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

- Tổng công ty đầu tư 66 tỷ đồng vào Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công Ty VP) với tỷ lệ góp vốn là 43,78%.

- Năm 2017, Công Ty VP lỗ 7,9 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 2,7 tỷ đồng.

4. Công tác đầu tư năm 2017.

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Số thực hiện năm 2017 với	
					Năm 2016	KH 2017
1	Đầu tư mới trong năm	100.947	313.219	243.092	241%	78%
2	Sửa chữa lớn	22.979	46.967	35.347	154%	75%
3	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	0	0	0		
Tổng cộng		123.926	360.186	278.439	225%	77%

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2017 toàn Tổng công ty đạt 77% kế hoạch và tăng cao so với 2016. Tổng công ty tiếp tục quán triệt nguyên tắc: tập trung đầu tư mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và không đầu tư ngoài ngành. Các dự án lớn đang được triển khai: Nhà máy DN Đình Vũ, Kho Hóa chất Đình Vũ, Kho Nhựa đường Cam Ranh...

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2017, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp và 09 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát điều hành của Ban điều hành nhằm đảm bảo theo đúng kế hoạch, mục tiêu và chiến lược đề ra.

2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

- BKS nhận thấy Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác nhìn chung đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng Công ty và của Pháp luật.

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc.

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản.

- Trong năm 2017, BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của BKS.

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1/ Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt; giá dầu và thị trường tài chính diễn biến khó lường... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty cần có giải pháp chủ động, linh hoạt để thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2018 được ĐHĐCĐ giao.

2/ Đẩy nhanh việc áp dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.

3/ Tiếp tục đánh giá, rà soát các khoản mục chi phí cần tiết giảm; nâng cao vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản; tích cực đôn đốc và thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt là công nợ quá hạn, nợ khó đòi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

4/ Trong điều kiện phạm vi hoạt động của Tổng công ty rộng, phức tạp do đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, Tổng công ty cần nâng cao năng lực quản trị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018..

Trân trọng cảm ơn!

**BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Tcty;
- Lưu BKS.



Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2018

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HDQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2018 Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2017 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện 2017	215.077.044.021	
1,1	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD	216.157.424.407	
1,2	Lợi nhuận khác không phân phối	-1.080.380.386	Vốn hóa giá trị đầu tư
2	Thuế TNDN	43.676.177.907	
	<i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i>	<i>444.693.026</i>	<i>Thuế TNDN của thù lao TV HĐQT, BKS và các khoản chi phí chịu thuế khác</i>
4	Lợi nhuận sau thuế phân phối	171.913.686.562	
4,1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	171.400.866.114	
4,2	Lãi năm trước để bù đắp phần lỗ từ Công ty liên kết	1.080.380.386	
4,3	Thuế TNDN phát sinh sau Thanh tra Thuế năm 2017	-43.114.881	
4,4	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện sau thuế TNDN	524.445.057	không được phân phối
5	Chia cổ tức	161.595.132.000	Chia cổ tức 20%
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.678.334.590	Quỹ khen thưởng phúc lợi trích bằng 1,04 tháng lương thực hiện của người lao động; Quỹ thưởng BQL bằng 0,94 tháng lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý.
7	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	640.219.972	

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2017 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2017 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp... các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tình hình xuất khẩu của ngành hàng dầu nhờn gặp rất nhiều khó, liên tục sụt giảm sản lượng trong những năm gần đây, mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng. Ngành hàng nhựa đường hiệu quả tiếp tục giảm thấp, hoạt động mang tính chu kỳ, trong nước một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều, các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm nhiều, mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT vào giai đoạn hoàn thiện thì chưa bán được ở giai đoạn này, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh giành khách hàng và thị phần... Ngành hàng hóa chất có tốc độ tăng trưởng khá trong năm, có điều kiện nâng cao quy mô thị trường, mức gia tăng lợi nhuận cải thiện đáng kể tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2018, theo dự báo của Opec và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 60-70 USD/thùng, giá dầu có thể tăng vào nửa đầu năm và ổn định về cuối năm. Năm 2018 theo dự báo của ngân hàng Standard Chartered cũng khá tương đồng với mục tiêu mà Chính phủ đặt ra đối với nền kinh tế nước ta, đó là tăng trưởng kinh tế sẽ đạt khoảng 6,8%, tăng trưởng xuất khẩu đạt từ 6-7%. Mặt khác, một số dự án đầu tư công đã được phê duyệt và bắt đầu khởi công và được giải ngân trong năm 2017-2018. Như vậy dự báo kinh tế Việt Nam năm 2018 có thể tăng trưởng tốt hơn năm 2017. Tuy vậy Standard Chartered cũng cảnh báo lạm phát có thể cao hơn 2017, tỷ giá có thể tăng từ 1% đến 1,5% trong năm 2018.

Kinh tế thế giới năm 2018 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số khu vực. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ

trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trong năm thực hiện trong năm 2018, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2018:

Với tình hình khó khăn chung như trên đã trình bày: kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ 2017 giao trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, giá dầu thế giới trời sập, đối thủ cạnh tranh gay gắt, thiên tai lũ lụt xảy ra bất thường... thì việc hoàn thành kế hoạch được giao là rất khó có khả năng thực hiện. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã có nhiều cố gắng nỗ lực, đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ người lao động, giữ vững thị phần, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, từng bước hoàn thiện tái cấu trúc doanh nghiệp... Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thực hiện tỷ lệ chia cổ tức năm 2017 là 20% và không còn tích lũy quỹ đầu tư phát triển trong năm 2017; Để đảm bảo khả năng tích lũy, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, ổn định SXKD đề nghị mức cổ tức thực hiện năm 2018 tối thiểu là 15% lợi nhuận.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KH 2018/TH 2017
1	Sản lượng	Tấn; m3	340.970	359.280	105%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.046.459	5.530.871	110%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	215.077	236.814	110%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	171.401	189.452	111%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,87%	14,04%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,21%	23,45%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Tối thiểu 15%	

(VCSH và VĐL để tính tỷ suất thực hiện năm 2017 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2018 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch).

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Năm 2018, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2017 hoàn thành ở mức **258,091 tỷ đồng, đạt 70,2%** Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; giá trị đầu tư hoàn thành các hạng mục sửa chữa lớn đạt 75,3% kế hoạch được duyệt:

Đvt: triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	TH/KH NĂM 2017 (%)
	TỔNG CỘNG	367.562	258.091	70,2%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	320.595	222.744	69,5%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	46.967	35.347	75,3%

Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2018 như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA TOÀN BỘ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2018	% KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NĂM 2018/ TỔNG MỨC ĐT CỦA TOÀN BỘ D.A/CÔNG TRÌNH
	TỔNG CỘNG	676.269	394.753	58,4%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	599.827	350.244	58,4%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	76.442	44.509	58,2%

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2018, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm.

3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2018:

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Hoàn thành ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

